

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường  
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)**

**V/v: Tham luận Hội thảo lấy ý kiến góp ý dự án Luật Công nghiệp công nghệ số**

Thưa các Quý Cơ quan,

Chúng tôi, Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN, xin được gửi tới các Quý Cơ quan lời chào trân trọng nhất.

Chúng tôi được biết, gần đây, các Quý Cơ quan thông báo về việc tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý dự án Luật Công nghiệp công nghệ số ("**Luật CNCNS**") vào ngày 29 tháng 8 năm 2024. Tại buổi Hội thảo này, các nhà làm luật, các chuyên gia và các bên liên quan sẽ cùng thảo luận phiên bản mới nhất của dự thảo Luật CNCNS ("**Dự Thảo 4.0**").

Chúng tôi hiểu rằng Luật CNCNS sẽ đóng vai trò làm khung pháp lý định hình ngành công nghiệp công nghệ số ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn khi ngày càng có nhiều công nghệ mới xuất hiện, có tác động đáng kể đến cuộc sống của người dân Việt Nam nói riêng và con người trên toàn cầu nói chung.

Sau khi rà soát Dự Thảo 4.0, chúng tôi nhận thấy một số quy định còn chưa được rõ ràng, thiếu hợp lý. Điều này có thể dẫn đến các vấn đề và khó khăn cho các doanh nghiệp khi chuẩn bị kế hoạch tuân thủ trên thực tiễn. Qua bài tham luận này, chúng tôi xin trình bày một số ý kiến, nhận xét về các quy định nói trên. Chúng tôi hy vọng rằng các góp ý và kiến nghị của chúng tôi sẽ được cân nhắc phù hợp để hỗ trợ quá trình soạn thảo và rà soát dự thảo Luật CNCNS.

## **A. QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (TTNT)**

### **1. Phạm vi của khái niệm "hệ thống TTNT có rủi ro cao" tại Điều 61 nên được thu hẹp lại**

- Khoản 1 Điều 61 của Dự Thảo 4.0 quy định: *Hệ thống TTNT có khả năng gây ra những rủi ro, tổn hại đến sức khỏe, sự an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; có khả năng tác động cao, phạm vi tác động lớn, số lượng người dùng lớn, lượng tính toán tích lũy sử dụng để huấn luyện lớn là hệ thống TTNT có rủi ro cao trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*
- Khoản 2 Điều 61 của Dự Thảo 4.0 quy định các trường hợp hệ thống TTNT không phải là có rủi ro cao bao gồm: (i) Nhằm thực hiện một tác vụ trong phạm vi hẹp; (ii) Nhằm mục đích cải thiện kết quả hoạt động của con người đã hoàn thành trước đó; (iii) Nhằm mục đích phát hiện, khuyến cáo những khác biệt so với kết quả trước đó.
- Dự Thảo 4.0 cũng không đưa ra định nghĩa như thế nào là **những rủi ro, tổn hại đến sức khỏe, sự an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp** của tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, Dự Thảo 4.0 cũng không đưa ra giới hạn cụ thể về khả năng tác động, phạm vi tác động, số lượng người dùng và lượng

tính toán tích lũy để huấn luyện (chẳng hạn như số lượng người dùng tối thiểu để được xem là "có rủi ro cao").

- Có thể nói định nghĩa "*hệ thống TTNT có rủi ro cao*" hiện còn rất mơ hồ và thiếu rõ ràng, dẫn đến khả năng không thể thực thi.

## **Kiến nghị:**

- Cách tiếp cận của Luật CNCNS để xác định các hệ thống TTNT không có rủi ro cao không thống nhất (và đang đi ngược lại) với các tiêu chuẩn quản lý TTNT đã tồn tại và đang được áp dụng trên thế giới. Cụ thể, để phù hợp với sự phát triển của công nghệ trong tương lai, Ban soạn thảo nên cân nhắc không nên điều chỉnh các công nghệ một cách cụ thể (ví dụ công nghệ TTNT) mà nên tập trung vào quản lý **việc sử dụng các công nghệ đó**.
- Chúng tôi kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra xác định rõ ràng các tiêu chí để xác định "*hệ thống TTNT có rủi ro cao*" (ví dụ, liệt kê những cách sử dụng nào được xem là có rủi ro cao). Chúng tôi cũng kiến nghị rằng phạm vi của "*hệ thống TTNT có rủi ro cao*" chỉ nên được hạn chế ở một số hệ thống TTNT nâng cao / tiên tiến (và có thể có ảnh hưởng lớn), ví dụ như hệ thống TTNT tạo sinh (Generative AI).
- Ngoài ra, chúng tôi cũng kiến nghị Ban soạn thảo tham khảo quy định quốc tế mang tính tiêu chuẩn - Phụ lục III kèm theo Đạo luật về TTNT của Liên minh Châu Âu (the EU AI Act) – quy định về các lĩnh vực và điều kiện cụ thể để một hệ thống TTNT bị coi là có rủi ro cao.

## **2. Các nghĩa vụ áp dụng đối với nhà phát triển, nhà cung cấp hệ thống TTNT tại Điều 62 nên được sửa đổi để phù hợp với thực tiễn**

- Khoản 1 và Khoản 2 Điều 62 áp đặt một số nghĩa vụ sau đây **đối với cả "nhà phát triển hệ thống TTNT" và "nhà cung cấp hệ thống trí tuệ nhân tạo"**:

*a) Thực hiện các biện pháp để bảo đảm sự bình đẳng, công bằng, không phân biệt đối xử với người sử dụng;*

*b) Bảo vệ quyền riêng tư, thông tin cá nhân; giải quyết kịp thời các yêu cầu tra cứu, sao chép, chỉnh sửa, bổ sung, xóa thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;*

*c) Thông báo trước rõ ràng cho người sử dụng nếu hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro về an toàn hoặc bảo mật khi quyền riêng tư hoặc quyền và lợi ích liên quan đến thông tin cá nhân bị vi phạm;*

*d) Đánh giá, giải thích các rủi ro an toàn của hệ thống trí tuệ nhân tạo và thiết lập cơ chế giám sát, kiểm toán kỹ thuật theo quy định của pháp luật;*

*đ) Kiểm tra và giám sát thường xuyên các lỗ hổng và rủi ro bảo mật, phải lưu thông tin nhật ký về quá trình phát triển và quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo;*

*e) Thực hiện đánh giá rủi ro an toàn trước khi cung cấp hệ thống trí tuệ nhân tạo;*

- Đầu tiên, cần lưu ý rằng các nghĩa vụ này áp dụng cho tất cả các nhà phát triển và cung cấp hệ thống TTNT (cho dù không phải là hệ thống TTNT có rủi ro cao).

- Hiện tại, các nghĩa vụ (d)(đ)(e) đặt ra trách nhiệm giám sát nặng nề đối với nhà phát triển hệ thống TTNT. Điều này có thể là không khả thi trên thực tiễn gây ra nhiều cản trở hoạt động kinh doanh của họ. Đặc biệt, trong trường hợp các nhà phát triển hệ thống TTNT sử dụng công nghệ có mã nguồn mở, họ sẽ không ở vị trí phù hợp về mặt kỹ thuật để tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ nói trên.
- Bên cạnh nghĩa vụ (iv) nêu trên liên quan đến dữ liệu/thông tin cá nhân, nhà phát triển hệ thống TTNT còn có nghĩa vụ bảo vệ quyền riêng tư, thông tin cá nhân; giải quyết kịp thời các yêu cầu tra cứu, sao chép, chỉnh sửa, bổ sung, xóa thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân (theo điểm b Khoản 1 Điều 62). Cả hai nghĩa vụ này đều có nội dung điều chỉnh vấn đề về dữ liệu cá nhân, vốn thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các nghĩa vụ này có thể không phù hợp, gây ra mâu thuẫn với quy định hiện hành.
- Khoản 2 Điều 62 định nghĩa nhà cung cấp hệ thống TTNT là cá nhân, tổ chức có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với hệ thống TTNT. Tuy nhiên, quy định này chưa giải thích rõ điều kiện "quản lý trực tiếp đối với hệ thống TTNT".
- Theo điểm b Khoản 2 Điều 62, nhà cung cấp hệ thống TTNT có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin của hệ thống trí tuệ nhân tạo cho người sử dụng. Tuy nhiên, hiện không rõ những thông tin nào là thông tin cần thiết mà nhà cung cấp hệ thống TTNT cần phải cung cấp.
- Theo điểm c Khoản 2 Điều 62, nhà cung cấp hệ thống TTNT có nghĩa vụ thiết lập cơ chế tiếp nhận và xử lý yêu cầu của người sử dụng, nhà phát triển, cá nhân, tổ chức có liên quan. Cụm từ "cá nhân, tổ chức có liên quan" có nội hàm rất rộng, có thể gây ra trở ngại tuân thủ đối với các doanh nghiệp TTNT. Dự Thảo 4.0 cũng không quy định rõ về việc liệu rằng nhà cung cấp hệ thống TTNT có quyền từ chối những yêu cầu không chính đáng hoặc mang tính quấy rối doanh nghiệp hay không.

## Kiến nghị:

- Chúng tôi kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra sửa đổi theo hướng như sau:
  - Loại bỏ các trách nhiệm liên quan đến dữ liệu cá nhân để tránh tình trạng trùng lặp, mâu thuẫn với quy định hiện hành tại Nghị định 13, cụ thể là nghĩa vụ tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 62;
  - Nghiên cứu tính khả thi của việc áp đặt các nghĩa vụ giám sát, theo dõi hệ thống đối với từng loại hình doanh nghiệp phát triển hệ thống TTNT; Đặt ra các trường hợp miễn trách nhiệm đối với một số nhà phát triển hệ thống TTNT nhất định, ví dụ như nhà phát triển sử dụng công nghệ mã nguồn mở;
  - Quy định rõ hơn đối với nghĩa vụ xử lý yêu cầu của người sử dụng, chẳng hạn như nhà cung cấp hệ thống TTNT có quyền xác định các cơ sở hợp lý để từ chối xử lý yêu cầu.

### 3. Các nghĩa vụ áp dụng đối với người dùng TTNT tại Khoản 3 Điều 62 được quy định chung chung, chưa đi sâu vào tinh thần sử dụng có trách nhiệm của người dùng

- Khoản 3 Điều 62 của Dự Thảo 4.0 quy định rằng "*người sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo là cá nhân, tổ chức sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo, có trách nhiệm sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo phù hợp với Luật này và quy định pháp luật có liên quan*".
- Quy định này hiện đang rất mơ hồ và chưa đặt ra trách nhiệm sử dụng phù hợp đối với người dùng TTNT, nhất là khi những người này ở vị trí có thể dễ dàng lợi dụng các hệ thống TTNT vào mục đích xấu (lừa đảo, tuyên truyền thông tin sai sự thật, các mục đích trái pháp luật khác).

#### Kiến nghị:

- Chúng tôi kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra cân nhắc quy định các trách nhiệm, nghĩa vụ cụ thể đối với người dùng hệ thống TTNT nhằm hướng họ đến việc sử dụng TTNT có trách nhiệm, ví dụ như:
  - Nghĩa vụ tuân thủ quy định, hướng dẫn sử dụng hệ thống TTNT của nhà phát triển, bên cung cấp hệ thống TTNT;
  - Nghĩa vụ tiết lộ về việc thông tin/dữ liệu/nội dung mà mình cung cấp là sản phẩm của hệ thống TTNT trong một số trường hợp nhất định;
  - Nghĩa vụ không được sử dụng các thông tin/dữ liệu/nội dung do hệ thống TTNT tạo ra vào mục đích trái pháp luật như mạo danh người khác, bôi xấu, tuyên truyền thông tin sai sự thật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, v.v.;
  - Chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý theo pháp luật dân sự, hành chính, và hình sự tương ứng đối với hành vi sử dụng TTNT trái pháp luật hay trái với quy định, hướng dẫn sử dụng hệ thống TTNT của nhà phát triển, bên cung cấp hệ thống TTNT.

### 4. Nghĩa vụ dán nhãn nhận dạng sản phẩm công nghệ số tạo ra bởi hệ thống trí tuệ nhân tạo tại Khoản 1 Điều 63 thiếu tính rõ ràng và có thể không thể thực hiện được về mặt kỹ thuật

- Khoản 1 Điều 63 của Dự Thảo 4.0 quy định rằng "*các sản phẩm công nghệ số tạo ra bởi hệ thống trí tuệ nhân tạo phải dán nhãn để nhận dạng*."
- Tuy nhiên, Dự Thảo 4.0 không xác định rõ ai là người chịu trách nhiệm thực hiện việc dán nhãn nhận dạng này (nhà phát triển hay nhà cung cấp hệ thống TTNT). Hiện cũng không rõ khái niệm "*sản phẩm công nghệ số tạo ra bởi hệ thống trí tuệ nhân tạo*" có bao gồm các phân tích, suy luận, đưa ra các nội dung, dự báo, khuyến nghị, quyết định (hay gọi chung là đầu ra/output) của các hệ thống TTNT hay không.
- Trong một số trường hợp, ví dụ như hệ thống TTNT tạo ra kết quả bằng văn bản, việc dán nhãn nhận dạng là không khả thi về mặt kỹ thuật.

## Kiến nghị:

- Chúng tôi kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra cân nhắc sửa đổi quy định tại Khoản 1 Điều 63 theo hướng phù hợp hơn về mặt kỹ thuật và phù hợp với pháp luật quốc tế (chẳng hạn như Đạo luật TTNT của bang Colorado của Mỹ<sup>1</sup>).
- Luật CNCNS nên điều chỉnh cách nhà phát triển, bên cung cấp hệ thống TTNT tương tác với những người sử dụng, đặc biệt là người tiêu dùng. Để lấy ví dụ cụ thể, Đạo luật TTNT của bang Colorado của Mỹ<sup>2</sup> quy định rằng:
  - Nếu một nhà phát triển hệ thống TTNT triển khai, bán, cung cấp hệ thống TTNT được sử dụng để tương tác với người tiêu dùng, họ cần phải đảm bảo tiết lộ cho người tiêu dùng biết rằng họ đang tương tác với một hệ thống TTNT.
  - Quy định này sẽ không áp dụng nếu một người bình thường đã biết rõ họ đang tương tác với một hệ thống TTNT.

(Toàn văn tiếng Anh:

**6-1-1704. Disclosure of an artificial intelligence system to consumer.** (1) ON AND AFTER FEBRUARY 1, 2026, AND EXCEPT AS PROVIDED IN SUBSECTION (2) OF THIS SECTION, A DEPLOYER OR OTHER DEVELOPER THAT DEPLOYS, OFFERS, SELLS, LEASES, LICENSES, GIVES, OR OTHERWISE MAKES AVAILABLE AN ARTIFICIAL INTELLIGENCE SYSTEM THAT IS INTENDED TO INTERACT WITH CONSUMERS SHALL ENSURE THE DISCLOSURE TO EACH CONSUMER WHO INTERACTS WITH THE ARTIFICIAL INTELLIGENCE SYSTEM THAT THE CONSUMER IS INTERACTING WITH AN ARTIFICIAL INTELLIGENCE SYSTEM.

DISCLOSURE IS NOT REQUIRED UNDER SUBSECTION (1) OF THIS SECTION UNDER CIRCUMSTANCES IN WHICH IT WOULD BE OBVIOUS TO A REASONABLE PERSON THAT THE PERSON IS INTERACTING WITH AN ARTIFICIAL INTELLIGENCE SYSTEM.)

5. **Nên tham khảo các định nghĩa "TTNT", "mô hình TTNT", "hệ thống TTNT" và "TTNT tạo sinh" tại Sắc lệnh hành pháp của Hoa Kỳ về Hoạt động phát triển và sử dụng TTNT an toàn, bảo mật và đáng tin cậy<sup>3</sup>**
- Khái niệm "*hệ thống TTNT*" tại Khoản 6 Điều 3 có thể chưa phù hợp với các khái niệm đang được quốc tế áp dụng rộng rãi.

## Kiến nghị:

- Chúng tôi kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra tham khảo các định nghĩa tiêu chuẩn được sử dụng tạo **Sắc lệnh hành pháp của Hoa Kỳ về Hoạt động phát triển và sử dụng TTNT**

<sup>1</sup> [https://leg.colorado.gov/sites/default/files/2024a\\_205\\_signed.pdf](https://leg.colorado.gov/sites/default/files/2024a_205_signed.pdf)

<sup>2</sup> [https://leg.colorado.gov/sites/default/files/2024a\\_205\\_signed.pdf](https://leg.colorado.gov/sites/default/files/2024a_205_signed.pdf)

<sup>3</sup> The US Executive Order on the Safe, Secure, and Trustworthy Development and Use of Artificial Intelligence

**an toàn, bảo mật và đáng tin cậy** (đã được đưa vào triển khai ở nhiều công ty quốc tế),<sup>4</sup> đảm bảo hài hòa về giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

- Chúng tôi xin cung cấp định nghĩa cụ thể được nêu tại Sắc lệnh hành pháp nói trên để Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra tiện tham khảo:
  - Trí tuệ nhân tạo được định nghĩa là: *Một hệ thống dựa trên máy có thể, đối với một tập hợp các mục tiêu do con người xác định, đưa ra dự đoán, khuyến nghị hoặc quyết định ảnh hưởng đến môi trường thực hoặc ảo. Hệ thống trí tuệ nhân tạo sử dụng đầu vào dựa trên máy móc và con người để nhận thức môi trường thực và ảo; trừu tượng hóa những nhận thức đó thành các mô hình thông qua phân tích một cách tự động; và sử dụng suy luận mô hình để xây dựng các tùy chọn cho thông tin hoặc hành động.*

(tiếng Anh: a machine-based system that can, for a given set of human-defined objectives, make predictions, recommendations, or decisions influencing real or virtual environments. Artificial intelligence systems use machine- and human-based inputs to perceive real and virtual environments; abstract such perceptions into models through analysis in an automated manner; and use model inference to formulate options for information or action.)
  - Mô hình TTNT được định nghĩa là: *một thành phần của hệ thống thông tin triển khai công nghệ TTNT và sử dụng các kỹ thuật tính toán, thống kê hoặc học máy để tạo ra đầu ra từ một tập hợp đầu vào nhất định.*

(tiếng Anh: a component of an information system that implements AI technology and uses computational, statistical, or machine-learning techniques to produce outputs from a given set of inputs.)
  - Hệ thống TTNT được định nghĩa là: *bất kỳ hệ thống dữ liệu, phần mềm, phần cứng, ứng dụng, công cụ hoặc tiện ích nào hoạt động toàn bộ hoặc một phần bằng TTNT.*

(tiếng Anh: any data system, software, hardware, application, tool, or utility that operates in whole or in part using AI.)
  - Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) được định nghĩa là: *lớp mô hình AI mô phỏng cấu trúc và đặc điểm của dữ liệu đầu vào để tạo ra nội dung tổng hợp có nguồn gốc. Các nội dung này có thể bao gồm hình ảnh, video, âm thanh, văn bản và nội dung kỹ thuật số khác.*

(tiếng Anh: the class of AI models that emulate the structure and characteristics of input data in order to generate derived synthetic content. This can include images, videos, audio, text, and other digital content.)

---

<sup>4</sup> <https://www.whitehouse.gov/briefing-room/presidential-actions/2023/10/30/executive-order-on-the-safe-secure-and-trustworthy-development-and-use-of-artificial-intelligence/>



## B. QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN DỮ LIỆU SỐ

### 6. Trách nhiệm chuyển dữ liệu số của khách hàng tại Khoản 3 Điều 19 nên bị loại bỏ vì phạm vi rộng quá mức và có khả năng không thể thực hiện được

- Khoản 3 Điều 19 của Dự Thảo 4.0 quy định rằng: Tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có trách nhiệm cung cấp công cụ, giải pháp kỹ thuật để khách hàng chuyển dữ liệu số của chính khách hàng đó sang sản phẩm, dịch vụ công nghệ số của tổ chức, cá nhân khác.
- Nghĩa vụ này có thể không thể thực hiện được với các doanh nghiệp công nghệ vì những lý do sau đây:
  - Quy định này không phù hợp với pháp luật quốc tế. Đây dường như là phiên bản mở rộng của nghĩa vụ "data portability" tại Quy định Chung về Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (GDPR) của Liên minh châu Âu. Theo đó, chủ thể dữ liệu có quyền nhận lại dữ liệu cá nhân của mình theo một định dạng có thể đọc được và quyền chuyển dữ liệu cá nhân của mình sang một bên kiểm soát dữ liệu khác. Tuy nhiên, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng quy định này chỉ giới hạn đối với "dữ liệu cá nhân" (tức là không áp dụng đối với các loại dữ liệu khác).
  - Dự Thảo 4.0 không có bất kỳ hướng dẫn về việc xác định dữ liệu nào là "dữ liệu số của chính khách hàng đó". Do đó, các doanh nghiệp công nghệ số không thể xác định phạm vi dữ liệu số thuộc phạm vi quản lý của khách hàng. Trên thực tế, "dữ liệu số" có thể bao gồm (i) dữ liệu cá nhân và (ii) các dữ liệu khác không phải là dữ liệu cá nhân. Như vậy, Khoản 3 Điều 19 có thể được hiểu rằng các doanh nghiệp sẽ phải cung cấp công cụ, giải pháp kỹ thuật để khách hàng chuyển (i) không chỉ dữ liệu cá nhân của khách hàng mà còn (ii) các dữ liệu khác không phải là dữ liệu cá nhân sang sản phẩm, dịch vụ công nghệ số của doanh nghiệp khác.
  - Các doanh nghiệp công nghệ số có thể gặp rất nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật trong việc đảm bảo rằng dữ liệu của khách hàng có thể chuyển một sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp này sang một sản phẩm, dịch vụ của một doanh nghiệp khác (vd: vấn đề về định dạng dữ liệu, khối lượng dữ liệu thực tế, phương thức chuyển dữ liệu có đáp ứng yêu cầu bảo mật của bên còn lại).
  - Việc các doanh nghiệp số phải tuân thủ nghĩa vụ nói trên có thể dẫn đến hậu quả không mong muốn có thể kể đến như:
    - tiết lộ bí mật kinh doanh hoặc thông tin độc quyền của doanh nghiệp hoặc của khách hàng khác;
    - xâm phạm quyền riêng tư hoặc bảo mật dữ liệu cá nhân của một cá nhân khác;
    - không khả thi trên cơ sở kỹ thuật hoặc đòi hỏi nỗ lực không tương xứng;
    - yêu cầu xác định lại hoặc liên kết thông tin không được coi là dữ liệu cá nhân;
    - can thiệp vào việc thực thi pháp luật, tố tụng tư pháp và / hoặc điều tra;
    - làm suy yếu các nỗ lực bảo vệ, phát hiện hoặc điều tra hoạt động độc hại, bất hợp pháp hoặc lừa đảo hoặc thực thi hợp đồng;
    - vi phạm pháp luật hoặc quyền của người khác;
    - liên quan đến dữ liệu mà con người không thể hiểu được;

- làm tổn hại đến nỗ lực của bộ điều khiển để thực hiện các hệ thống bảo mật và toàn vẹn;
  - yêu cầu quyền truy cập vào dữ liệu mà con người không thể đọc được;
  - yêu cầu xác định lại hoặc liên kết dữ liệu không được coi là dữ liệu cá nhân;
  - tạo điều kiện cho các yêu cầu rõ ràng không có cơ sở, tương tự đáng kể, lặp đi lặp lại và / hoặc mang tính quấy rối.
- Ngoài ra, đây là một trách nhiệm tuyệt đối – Dự Thảo 4.0 không đưa ra bất cứ ngoại lệ hay cơ sở pháp lý nào để doanh nghiệp có thể từ chối yêu cầu chuyển dữ liệu này.

### **Kiến nghị:**

- Chúng tôi đặc biệt đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra xóa bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 19 trên cơ sở cân nhắc thực tiễn, tính khả thi, tác động tiêu cực đối với các doanh nghiệp công nghệ số khi áp đặt trách nhiệm chuyển dữ liệu tại Khoản 3 Điều 19.

## **C. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

### **7. Nghĩa vụ xin chấp thuận liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu tại Điều 12.3 nên loại trừ khỏi các doanh nghiệp tư nhân**

- Điều 12.3 quy định rằng "*tổ chức, cá nhân Việt Nam nghiên cứu và phát triển, sản xuất, cung cấp và sở hữu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu bán, xuất khẩu, chuyển giao sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu cho đối tác nước ngoài phải được chấp thuận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*"
- Nghĩa vụ xin chấp thuận này sẽ tạo ra một thủ tục hành chính mới, gây phiền hà cho các doanh nghiệp tư nhân trong nước đang có hoạt động liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu. Những doanh nghiệp này, nhất là các doanh nghiệp FDI, có thể đã và đang hợp tác với các đối tác nước ngoài. Nếu bắt các doanh nghiệp này sau này phải xin phép để bán / xuất khẩu / chuyển giao các sản phẩm và dịch vụ công nghệ số, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp này sẽ bị gián đoạn, gây gia tăng chi phí tuân thủ. Ngoài ra, quy định này có thể làm hạn chế đầu tư từ nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

### **Kiến nghị:**

- Chúng tôi kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra cân nhắc giới hạn phạm vi áp dụng của nghĩa vụ xin chấp thuận liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu tại Điều 12.3 đối với các doanh nghiệp nhà nước (tức là loại trừ khỏi các doanh nghiệp tư nhân).

### **8. Các điều cấm liên quan đến hoạt động công nghệ số tại Điều 7 có nội hàm quá rộng**

- Các điều cấm tại Điều 7 hiện chung chung và có phạm vi rất rộng. Điều này dẫn đến khả năng một số nội dung của các điều cấm này có thể bị giải nghĩa một cách chủ quan bởi cơ quan quản lý. Điều này khiến cho các cơ quan này có thẩm quyền quá rộng, dẫn đến nguy cơ không ổn định trong việc thực thi và từ đó dẫn đến việc đối xử không công bằng đối với các doanh nghiệp.



## Kiến nghị:

- Chúng tôi kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra cân nhắc sửa đổi các điều cấm tại Điều 7 theo hướng cụ thể hóa, tránh dẫn đến tình trạng có nhiều cách giải thích khác nhau cho một điều luật, tập trung vào các mục đích bất hợp pháp khi sử dụng công nghệ số (thay vì cấm các công nghệ số cụ thể). Đồng thời, các điều cấm cũng cần dự trù sự phát triển của công nghệ số trên thực tiễn.
- Chúng tôi cũng kính đề nghị Ban soạn thảo, Cơ quan thẩm tra tham khảo các quy định hiện hành mang tính chuẩn mực của pháp luật quốc tế, chẳng hạn như danh sách các hành vi bị cấm trong Đạo luật TTNT của Liên minh châu Âu, để đảm bảo Việt Nam có khung pháp lý phù hợp với pháp luật quốc tế.

\* \* \*

Chúng tôi rất cảm ơn các Quý Cơ quan đã dành thời gian xem xét những góp ý, câu hỏi và đề xuất đối với Luật CNCNS (Dự Thảo 4.0). Chúng tôi rất sẵn lòng trao đổi thêm về những nội dung trên đây và cung cấp các thông tin bổ sung cho các Quý Cơ quan nếu cần thiết.

Trân trọng,

**Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN**